

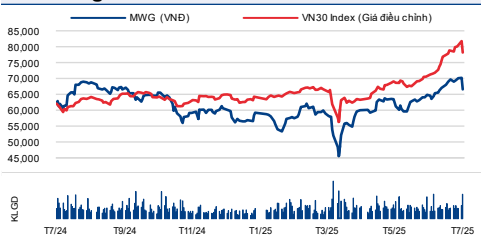
Mua vào

Giá mục tiêu: VND79,600
Tiềm năng tăng/giảm: 18.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2025)	67,100
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	45,593-70,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	67,967
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	99,236
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,787
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,479
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	725
Slg CP NN được mua (tr.đv)	19.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	47.7%
Tỷ lệ freefloat	60.7%
Cổ đông lớn	in Đầu tư Thế Giới Ba (10.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	134,341	147,306	164,048
EBITDA đc (tỷ đồng)	6,997	8,169	8,736
LN TT (tỷ đồng)	4,826	7,038	8,450
LNT ĐC (tỷ đồng)	3,722	5,484	6,620
FCF (tỷ đồng)	8,214	4,658	5,099
EPS ĐC (đồng)	2,546	3,724	4,415
DPS (đồng)	500	1,000	1,000
BVPS (đồng)	18,993	21,595	24,833
T.trưởng EBITDA (%)	84.7	16.8	6.94
T.trưởng EPS ĐC (%)	2,121	46.3	18.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.21	5.55	5.33
Tỷ suất LN TT (%)	3.59	4.78	5.15
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.77	3.72	4.04
Tỷ lệ LN trả CT (%)	19.6	26.8	22.6
Nợ thuần/VCSH (%)	78.2	66.5	51.1
ROAE (%)	14.6	18.4	19.1
ROACE (%)	14.2	19.0	19.0
EV/doanh thu (lần)	0.89	0.82	0.73
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.1	14.7	13.7
P/E ĐC (lần)	26.4	18.0	15.2
P/B (lần)	3.53	3.11	2.70
Lợi suất cổ tức (%)	0.75	1.49	1.49

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2025: Lợi nhuận vượt nhẹ dự báo

- MWG công bố KQKD Q2/2025 vững chắc, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 10% và 41% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần tăng 12% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần tăng vọt 54% so với cùng kỳ, đạt 58% dự báo cho cả năm 2025 của HSC – cao hơn kỳ vọng.
- KQKD của chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX trong quý vững chắc và cao hơn dự báo của chúng tôi, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 10% và 16% so với cùng kỳ. Chuỗi Bách Hóa Xanh ghi nhận khoản lợi nhuận đáng kể, chứng tỏ sự chuyển đổi mang tính chiến lược từ ưu tiên tăng trưởng doanh thu sang khả năng sinh lời có hiệu quả.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 12% trong 3 tháng qua, MWG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,6 lần, thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 5/2022 ở mức 20 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

KQKD Q2/2025 của MWG tích cực và cao hơn một chút so với dự báo của HSC. Doanh thu thuần tăng 10% so với cùng kỳ đạt 37.620 tỷ đồng, cao hơn 2% so với dự báo, trong khi lợi nhuận thuần tăng 41% so với cùng kỳ đạt 1.648 tỷ đồng, cao hơn 4% so với dự báo của chúng tôi ở mức 1.592 tỷ đồng.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần tăng 12% so với cùng kỳ đạt 73.755 tỷ đồng, hoàn thành 50% dự báo cho cả năm của chúng tôi trong khi lợi nhuận thuần tăng mạnh 54% so với cùng kỳ đạt 3.194 tỷ đồng, hoàn thành 58% dự báo cho cả năm.

Chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX: Cả doanh thu và tỷ suất lợi nhuận đều mở rộng; vượt dự báo

KQKD Q2/2025 của chuỗi điện máy TGDĐ/ĐMX trông có vẻ vững chắc. Doanh thu thuần đạt 25.232 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ, cao hơn 4% so với dự báo của HSC ở mức 24.155 tỷ đồng. Chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần Q2/2025 của chuỗi TGDĐ & ĐMX đạt 1.502 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, cao hơn 2% so với dự báo của chúng tôi ở mức 1.472 tỷ đồng.

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay là động lực tăng trưởng doanh thu chính, với doanh thu của chuỗi TGDĐ tăng 24% so với cùng kỳ lên 8.296 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu đồ điện máy và điện tử tăng chậm hơn ở mức 3% so với cùng kỳ lên 16.913 tỷ đồng. Nhìn chung, doanh thu tăng mạnh hơn toàn ngành nhờ có danh mục sản phẩm phong phú, sản phẩm độc quyền và dịch vụ hậu mãi vượt trội.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q2/2025, MWG

Tỷ đồng	Q2/25	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	Q2/25F	Thực tế / Dự báo	6T25	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	37,620	10%	4%	36,908	102%	73,755	12%
Lợi nhuận gộp	7,569	4%	5%			14,769	5%
Chi phí BH&QL	(5,905)	1%	5%			(11,523)	1%
Lợi nhuận HĐ tài chính	366	28%	3%			721	45%
Thu nhập/(lỗ) thuần khác	(13)	-93%	135%			19	-110%
LN TT	2,028	34%	5%			3,963	46%
LNST	1,658	41%	7%	1,594	104%	3,205	54%
Lợi nhuận thuần	1,648	41%	7%	1,592	104%	3,194	54%

Nguồn: MWG, HSC ước tính

Tỷ suất lợi nhuận thuần đạt 6%, tăng nhẹ từ mức 5,7% trong Q2/2024, nhờ chi phí cố định giảm sau khi số lượng cửa hàng giảm 7%.

Chỉ trong tháng 6, doanh thu tăng mạnh 14% so với cùng kỳ và đi ngang so với tháng trước đạt 8.463 tỷ đồng, cao hơn kỳ vọng của chúng tôi.

BHX: Lợi nhuận cải thiện mạnh; vượt dự báo

Doanh thu thuần Q2/2025 của chuỗi siêu thị BHX tăng 12% so với cùng kỳ và tăng 4% so với quý trước đạt 11.566 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh thu tháng 6 tăng chậm hơn, ở mức 3% so với cùng kỳ (giảm 3% so với tháng trước) do doanh thu hàng tươi sống giảm và giá bán bình quân tăng cao.

Công ty cho biết, lượng khách đến chuỗi Bách Hóa Xanh giảm trong các tháng mưa như tháng 6 và chuỗi cũng chủ động giảm nguồn cung sản phẩm tươi sống để giảm thiểu hao hụt. Kể từ tháng 4, Bách Hóa Xanh đưa ra các chương trình khuyến mãi một cách có chọn lọc hơn, nên chi phí khuyến mãi giảm và giá bán bình quân tăng. Những biện pháp này đã góp phần cải thiện tỷ suất lợi nhuận và tăng đáng kể lợi nhuận thuần của chuỗi, bất chấp doanh thu giảm. Bách Hóa Xanh hiện đã chuyển đổi từ giai đoạn ưu tiên doanh thu (trước tháng 4) sang giai đoạn ưu tiên lợi nhuận (từ tháng 4 trở đi), tập trung vào việc nâng cao tỷ suất lợi nhuận và khả năng sinh lời.

HSC dự báo lợi nhuận thuần Q2/2025 của Bách Hóa Xanh vững chắc ở mức 172 tỷ đồng, tăng gấp 25 lần so với cùng kỳ và gấp 8 lần so với quý trước, cao hơn 24% so với dự báo của chúng tôi ở mức 139 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 194 tỷ đồng, hoàn thành 38% dự báo cả năm của chúng tôi ở mức 512 tỷ đồng. Chúng tôi dự báo lợi nhuận của Bách Hóa Xanh sẽ tăng cao hơn trong nửa cuối năm 2025, và lợi nhuận cả năm của chuỗi có thể vượt dự báo.

Các chuỗi khác đang kinh doanh tốt

Chuỗi nhà thuốc An Khang tiếp tục báo lỗ, nhưng khoản lỗ đã giảm đáng kể 72% so với cùng kỳ xuống còn 26 tỷ đồng trong Q2/2025 (so với lỗ 92 tỷ đồng trong Q2/2024).

Era Blue, liên doanh điện máy tại Indonesia, ghi nhận doanh thu thuần gần 900 tỷ đồng trong Q2/2025, tăng 29% so với quý trước tại 115 cửa hàng. Sau khi đạt điểm hòa vốn trong Q3/2024, chuỗi này đã ghi nhận lợi nhuận thuần 25 tỷ đồng trong Q2/2025 - một diễn biến tích cực, theo quan điểm của chúng tôi.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Sau khi giá cổ phiếu tăng 12% trong 3 tháng qua, MWG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,6 lần, thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 5/2022 ở mức 20 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận.

Bảng 2: Cơ cấu KQKD Q2 theo chuỗi cửa hàng, MWG

Tỷ đồng	Q2/25	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	Q2/25F	Thực tế / Dự báo	6T25	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	37,620	10%	4%	36,908	102%	73,755	12%
TGDD/ĐMX	25,232	10%	4%	24,155	104%	49,462	12%
BHX	11,566	12%	4%	11,893	97%	22,643	16%
An Khang & Ava	297	-50%	-64%	860	35%	1,650	26%
LNST	1,658	41%		1,594	104%	3,205	54%
TGDD/ĐMX	1,502	16%		1,472	102%	3,050	20%
BHX	172	2368%		139	124%	194	-297%
An Khang	(26)	-72%		(26)	100%	(57)	-67%

Nguồn: MWG, HSC ước tính

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần T6/2025 theo chuỗi cửa hàng, MWG

Tỷ đồng	T6/24	T6/25	% so với cùng kỳ	% so với tháng trước
Doanh thu thuần, tổng	11,381	12,526	10%	-1%
TGDĐ/ĐMX	7,422	8,463	14%	0%
BHX	3,673	3,766	3%	-3%
An Khang & AVA	286	297	4%	19%

Nguồn: HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,280	134,341	147,306	164,048	182,571
Lợi nhuận gộp	22,521	27,499	29,742	33,501	37,688
Chi phí BH&QL	(22,114)	(23,416)	(24,004)	(26,838)	(30,156)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	407	4,084	5,738	6,663	7,533
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(44.6)	18.6	69.1	142
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(328)	(401)	(131)	0	0
LNTT	690	4,826	7,038	8,450	9,673
Chi phí thuế TNDN	(522)	(1,092)	(1,528)	(1,788)	(2,018)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.16)	(11.4)	(25.6)	(42.4)	(55.4)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	168	3,722	5,484	6,620	7,600
Lợi nhuận thuần ĐC	168	3,722	5,484	6,620	7,600
EBITDA ĐC	3,788	6,997	8,169	8,736	9,313
EPS (đồng)	115	2,546	3,724	4,415	4,994
EPS ĐC (đồng)	115	2,546	3,724	4,415	4,994
DPS (đồng)	0	500	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,463	1,462	1,472	1,499	1,522
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,524
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,462	1,461	1,479	1,501	1,524

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,366	5,697	6,160	8,360	11,186
Đầu tư ngắn hạn	18,937	28,524	32,524	36,524	40,524
Phải thu khách hàng	5,159	8,764	9,648	9,955	11,295
Hàng tồn kho	21,824	22,245	23,565	25,075	26,745
Các tài sản ngắn hạn khác	661	544	583	641	705
Tổng tài sản ngắn hạn	51,947	65,774	72,481	80,555	90,456
TSCĐ hữu hình	6,431	3,523	2,248	1,453	987
TSCĐ vô hình	68.8	63.5	63.9	64.2	64.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	460	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	287	242	245	245	245
Tài sản dài hạn khác	914	616	794	817	864
Tổng tài sản dài hạn	8,161	4,445	3,351	2,579	2,161
Tổng cộng tài sản	60,108	70,219	75,832	83,135	92,617
Nợ ngắn hạn	19,129	27,300	27,300	27,300	28,300
Phải trả người bán	7,927	9,138	10,076	11,270	12,591
Nợ ngắn hạn khác	3,199	5,034	5,439	6,084	6,797
Tổng nợ ngắn hạn	30,762	42,097	43,505	45,425	48,550
Nợ dài hạn	5,985	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.17	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	5,986	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	36,748	42,097	43,505	45,425	48,550
Vốn chủ sở hữu	23,346	27,758	31,937	37,278	43,579
Lợi ích cổ đông thiểu số	13.4	364	390	432	487
Tổng vốn chủ sở hữu	23,360	28,122	32,327	37,710	44,066
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,108	70,219	75,832	83,135	92,617
BVPS (đ)	15,964	18,993	21,595	24,833	28,602
Nợ thuần*/(tiền mặt)	19,748	21,603	21,141	18,941	17,114

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	407	4,084	5,738	6,663	7,533
Khấu hao	(3,381)	(2,913)	(2,432)	(2,074)	(1,781)
Lãi vay thuần	611	1,188	1,412	1,718	1,999
Thuế TNDN đã nộp	(862)	(959)	(1,583)	(1,858)	(2,096)
Thay đổi vốn lưu động	1,836	3,224	155	45.2	51.2
Khác	(1,937)	(1,932)	(2,339)	(2,265)	(2,476)
LCT thuần từ HKKD	3,436	8,517	5,815	6,377	6,792
Đầu tư TS dài hạn	(523)	(304)	(1,157)	(1,278)	(1,315)
Góp vốn & đầu tư	(34,257)	(46,828)	(5,003)	(4,000)	(5,000)
Thanh lý	22,836	33,813	0	0	0
Khác	1,113	2,376	2,112	2,380	2,648
LCT thuần từ HĐĐT	(10,831)	(10,943)	(4,048)	(2,898)	(3,667)
Cổ tức trả cho CSH	(731)	(731)	(1,479)	(1,501)	(1,524)
Thu từ phát hành CP	(9.34)	1,762	174	222	225
Tăng/giảm nợ	8,440	1,726	0	0	1,000
Khác	-	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,700	2,757	(1,304)	(1,279)	(298)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,061	5,366	5,697	6,160	8,360
LCT thuần trong kỳ	304	332	462	2,200	2,826
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.37	0.10	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,366	5,697	6,160	8,360	11,186
Dòng tiền tự do	2,913	8,214	4,658	5,099	5,477

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.0	20.5	20.2	20.4	20.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.20	5.21	5.55	5.33	5.10
Tỷ suất LNT (%)	0.14	2.77	3.72	4.04	4.16
Thuế TNDN hiện hành (%)	75.7	22.6	21.7	21.2	20.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	(11.3)	13.6	9.65	11.4	11.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(63.0)	84.7	16.8	6.94	6.60
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(95.9)	2,120	47.3	20.7	14.8
Tăng trưởng EPS (%)	(95.9)	2,121	46.3	18.5	13.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(95.9)	2,121	46.3	18.5	13.1
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	19.6	26.8	22.6	20.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.71	14.6	18.4	19.1	18.8
ROACE (%)	1.38	14.2	19.0	19.0	18.4
Vòng quay tài sản (lần)	2.04	2.06	2.02	2.06	2.08
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	8.44	2.09	1.01	0.96	0.90
Số ngày tồn kho	83.2	76.0	73.2	70.1	67.4
Số ngày phải thu	19.7	29.9	30.0	27.8	28.5
Số ngày phải trả	30.2	31.2	31.3	31.5	31.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	85.0	78.2	66.5	51.1	39.6
Nợ/tài sản (%)	41.9	39.0	36.1	33.0	30.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	6.65	3.91	3.35	3.14	3.05
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.69	1.56	1.67	1.77	1.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.00	0.89	0.82	0.73	0.65
EV/EBITDA ĐC (lần)	31.1	17.1	14.7	13.7	12.8
P/E (lần)	585	26.4	18.0	15.2	13.4
P/E ĐC (lần)	585	26.4	18.0	15.2	13.4
P/B (lần)	4.20	3.53	3.11	2.70	2.35
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.75	1.49	1.49	1.49

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn